

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

# GUSTO S2

**Giày an toàn trang** đư ờ ợc tế **cho ngành công**
n ghiệ p thự c phẩm

Safety Jogger GUSTO là tính ch ố n g tĩnh điệ n ,
ch ố i mà i mòn cao và dầ g **cho ngành** thự c phẩm , đồ
uố n g và phục vụ ăn uố n g, để bạn **có đôi chân khô ráo và**
t **mát** ày.

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Da Nappa Action |
| ót bên trong | i tái chế lưới |
| trong Đ | ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế) |
| iữa đế g | SAU ĐÓ |
| ngoài Đ | PU / PU |
| u Đứng đầ | Thép |
| i Loạ | S2 / SR, FO, CI |
| Phạm vi kích thước | EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0<br>JPN 21.5-31 / KOR 230-310 |
| ng lượng thép | 0.570 kg |
| ẩn hiêu chu | EN ISO 20345:2022+A1:2024<br>ASTM F2413:2024 |

$CO_2$ 9.74 kg



WHT



013

**Mũi giày an toàn** bằng **thép**
Giá đỡ i chắ c chắ n bảo vệ chân khỏi va đập hoặc rơ

**SRC**
rước là ng trong Đ những tính năng an toàn và
giày bảo vệ chống trượt qua cả bài
rước kiểm tra SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.

Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăm không tiếp xúc lâu
dài

**& nhiên**
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.

hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót
chân bàn
mang. ười

chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn
bảo rằng chúng
ện tích tĩnh ở mức thấp hơn 100 MegaOhm và 1 GigaOhm

**Công** nghiệp **n:**

phục vụ ăn uống, Xây dựng, Thực phẩm & Đồ uống, Ngành công nghiệp

ường: **Môi** t

môi khô, môi ẩm ướt

**Cac** hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đánh giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách phù hợp. Không trên lò s

K

| Sự **miêu** tả | **EN ISO 20345** | đơn vị **đo** lường |
|---|---|---|
| Những vật liệu **Da Nappa Action** **cao** cấp hơn | | |
| Top: khả năng thấm hơi nước | ? 0.8 | 2.66 mg/cm/giờ |
| Top: hiệu suất hơi nước | ? 15 | 24 mg/cm2 |
| **ót bên trong** | | |
| Lớp lót: thấm hơi nước | ? 2 | 86.31 mg/cm/giờ |
| Lót: hiệu suất hơi nước | ? 20 | 691 mg/cm2 |
| **rong** Đệm chân **SJ làm** từ **mút tái chế (96%** vật liệu **tái** chế) | | |
| Đệm chân: Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ) | 25600/12800 | 25600/12800 chu kỳ |
| **goài** Đế **PU / PU** | | |
| Chống trượt (mài mòn) | ? 150 | 32 mm |
| Chống trượt: Gót bằng - Ceramic + NaLS - Trượt về phía trước | ? 0.31 | 0.41 ma sát |
| Chống trượt: Gót bằng - Gốm + NaLS - Trượt về phía trước | ? 0.36 | 0.38 ma sát |
| Chống trượt: Gót bằng - Gốm + Glycerin - Trượt về phía trước | ? 0.19 | 0.27 ma sát |
| Chống trượt: Gót bằng - Gốm + Glycerin - Trượt về phía trước | ? 0.22 | 0.26 ma sát |
| Điện trở: Giá trị tĩnh điện | 0.1 - 1000 | 330.1 megaohm |
| Điện trở ESD: Giá trị | 0.1 - 100 | N/A megaohm |
| Hấp thụ năng lượng của gót chân | ? 20 | 25 J |
| Đầu ngón chân **Thép** | | |
| Mũi giày an toàn: Chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J) | N/A | N/A mm |
| Mũi bảo hộ: Chống nén (khoảng hở sau khi nén 10kN) | N/A | N/A mm |
| Mũi giày an toàn: Chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J) | ? 14 | 15 mm |
| Mũi giày an toàn: Chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN) | ? 14 | 19.5 mm |

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày Safety Jogger có thể thay đổi. Tên thương hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh thái:**

| Sự **miêu** tả | đơn vị **đo** lường | Kết quả |
|---|---|---|
| **i CO2 phát** thải | | |
| Vật liệu | 7.40 | kg |
| Bao bì | 0.19 | kg |
| Sản xuất | 1.90 | kg |
| Chuyên chở | 0.26 | kg |
| | | **9.74 kg CO2/**cặp |

| Sự **miêu** tả | Kết quả |
|---|---|
| ệu vật liệu Tiêu **tái** chế | |
| Product | 8% |
| Bao bì | 16% |

Tính toán CO2:

Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com